

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 16/8/2017

“V/v Không công nhận là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Ông Trần Hưng Bính.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Trần Quang Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2017/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc Không công nhận là vợ chồng. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2017/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có kháng cáo của bị đơn - bà Lê Thị Hải Y, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Võ Thị Mỹ H.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2017.

Theo Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2334/2017/QĐ-TNPT ngày 04/8/2017.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Đại N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hải Y, sinh năm 1967. Địa chỉ: đường L, phường K, thành phố H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Y: Luật sư Bảo C- Văn phòng Luật sư Bảo C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1997. Địa chỉ: đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn – ông Võ Đại N trình bày: Trong thời gian làm ăn trên đất Lào từ năm 1993 đến năm 1996 ông N có quen biết bà Lê Thị Hải Y, sinh năm 1967 hiện đang ở tại địa chỉ đường L, phường K, thành phố H. Do bà Y cũng là chỗ làm ăn trên đất nước Lào nên hai bên thường xuyên tiếp xúc nói chuyện với nhau và nảy sinh tình cảm nhưng chỉ là tình cảm qua đường chứ không có ý định xây dựng thành vợ chồng trong tương lai. Trong quá trình làm quen, hai người đã chung sống và đã có 01 con chung là cháu Võ Đại Đ, sinh năm 1999 mà không biết rằng bà Y đã có chồng và chưa ly hôn. Sau khi có con với nhau thì ông N có ý định chia tay bà Y nhưng bà Y không chịu mà luôn đe dọa cũng như bắt ông N phải chi ra một số tiền mới cho ông đi cưới vợ. Theo ông N, trong thời gian sống tại Lào ông N luôn chăm lo đầy đủ cho mẹ con bà Y nhưng ngược lại bà Y lại tìm mọi cách để phá ông N, lấy toàn bộ tài sản bên Lào của ông N. Khi ông N về Việt Nam bà Y cũng không buông tha nên ông N phải làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận giữa ông và bà Y là vợ chồng.

Về con chung: Ông N khai nhận giữa ông và bà Y có một người con chung là Võ Đại Đ, sinh ngày 02/3/1999, hiện cháu đang sống cùng ở với bà Y nên ông N vẫn tiếp tục chu cấp cho cháu 1.500.000đồng/ tháng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N cho rằng giữa ông và bà Y không phải là mối quan hệ tình cảm nghiêm túc, sau khi bà Y sinh con thì giữa ông và bà Y không chung sống với nhau nên giữa hai bên không có phát sinh gì liên quan đến tài sản cũng như nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- bà Lê Thị Hải Y trình bày: Bà và ông N có quen biết nhau bên nước Lào và đã có với nhau 02 con chung là cháu Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1997 và cháu Võ Đại Đ, sinh năm 1999. Bà cũng cho biết bà và ông N chưa đăng ký kết hôn với nhau vì bà chưa ly hôn với chồng. Đồng thời bà không chấp nhận mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng mà phải là 2.500.000đồng cho cháu Đ.

Về tài sản chung: Bà Y trình bày trong quá trình sống chung với ông N, giữa bà và ông N có tạo dựng được tài sản chung là nhà và đất tại đường H, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Y cũng cho biết, trong thời gian ông N mua nhà và đất tại địa chỉ trên thì bà Y nhiều lần đưa tiền cho ông N với tổng cộng là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung này.

Tại bản án số 07/2017/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, đã quyết định:

Áp dụng Điều 28, Điều 200, Điều 229 Luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số 10/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về Án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Võ Đại N và bà Lê Thị Hải Y là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Võ Đại N và bà Lê Thị Hải Y, có một con chung là Võ Đại Đ, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1999. Công nhận sự thỏa thuận của ông Võ Đại N và bà Lê Thị Hải Y như sau: Giao cho bà Lê Thị Hải Y được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Võ Đại Đ, cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, hiện nay Võ Đại Đ đang ở với bà Y. Ông Võ Đại N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Đại N có quyền thăm nom con chung theo qui định của pháp luật. Ông N và bà Y có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 05/02/1997 là con đẻ của bà Lê Thị Hải Y, Võ Thị Mỹ H không phải là con đẻ của ông Võ Đại N.

3. Về Tài sản:

Nhà và đất tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, thửa đất số A21, tờ bản đồ 19, diện tích 233,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 734503 do UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 07/11/2012 đứng tên ông Võ Đại N thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng riêng của ông Võ Đại N.

Bác yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Hải Y về việc chia tài sản nhà và đất tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, thửa đất số A21, tờ bản đồ 19, diện tích 233,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 734503 do UBND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 07/11/2012.

4. Về án phí:

Ông Võ Đại N phải chịu 200.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng mà ông N đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/008913, ngày 03/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Ông N đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Lê Thị Hải Y phải chi án phí dân sự phản yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 78.698.000đồng [72.000.000đồng + 6.698.000đồng (2% x 334.904.000đồng)]. Bà Y đã nộp dự phí 14.000.000đồng tại biên lai số 000928 ngày 25/5/2016 của cơ quan thi hành án dân sự thành phố Huế nên được khấu trừ, bà Y phải tiếp tục nộp thêm 64.698.000đồng.

Bà Lê Thị Hải Y phải chịu chi phí giám định, định giá tài sản, bà Y đã nộp đủ và đã chi phí nay không phải thi hành khoản tiền này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- chị Võ Thị Mỹ H có đơn kháng cáo với nội dung:

1. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ về yêu cầu xin giám định ADN của chị tại cơ sở khác dù ông Võ Đại N từ chối tiếp tục giám định.

2. Khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng trong quyết định hoãn phiên tòa lại đưa chị vào.

3. Hội thẩm nhân dân khi xét hỏi không mang tính khách quan.

Với các lý do trên, chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để làm rõ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế kháng nghị bản án sơ thẩm nói trên.

Vào ngày 22/01/2017 bị đơn – bà Lê Thị Hải Y có đơn kháng cáo với nội dung:

1. Khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Đ, chị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng trong quyết định hoãn phiên tòa lại đưa anh Đ, chị H vào.

2. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ yêu cầu xin giám định AND lại của chị Võ Thị Mỹ H mặc dù ông Võ Đại N không đồng ý tiếp tục giám định.

3. Về tài sản: Hội đồng xét xử chưa làm rõ công sức đóng góp của bà trong việc đóng góp vào việc tạo lập nhà và đất tại đường H, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm đầy đủ các thủ tục về việc thụ lý yêu cầu độc lập phản tố của bà.

Với các lý do trên bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để làm rõ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế kháng nghị bản án sơ thẩm nói trên.

Vào ngày 07/7/2017 tại Tòa án cấp phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị Mỹ H đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của mình.

Do việc rút đơn kháng cáo của chị H có trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sau khi nhận được đơn của chị H đã ban hành Thông báo về việc rút toàn bộ kháng cáo đối với chị H. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút toàn bộ kháng cáo của chị H theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

1. Bị đơn- bà Lê Thị Hải Y xin rút một phần kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Võ Đại Đ vào tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng tại quyết định hoãn phiên tòa lại đưa anh Đ vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Đồng thời bà Y cũng thay đổi về nội dung kháng cáo về quyền lợi của bà trong thời gian chung sống với ông Võ Đại N, bà đề nghị Hội đồng xét xử cho bà được thỏa thuận với ông Võ Đại N về giải quyết vụ án, trong đó thỏa thuận về số tiền ông N hỗ trợ cho bà.

2. Phía nguyên đơn- ông Võ Đại N cũng đồng ý với yêu cầu của bà Y và đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho hai bên gặp nhau để thỏa thuận.

Sau khi thỏa thuận, bà Y đồng thuận với số tiền hỗ trợ từ phía ông Võ Đại N là 250.000.000 đồng.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần kháng cáo và thay đổi nội dung kháng cáo của bà Y tại phiên tòa hôm nay. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc ông Võ Đại N hỗ trợ cho bà Lê Thị Hải Y số tiền 250.000.000 đồng.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu và cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của chị Võ Thị Mỹ H.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút một phần kháng cáo của bà Lê Thị Hải Y.

Công nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông Võ Đại N đối với bà Lê Thị Hải Y với số tiền 250.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn, ý kiến của Luật sư và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Y xin rút một phần kháng cáo về tư cách tham gia tố tụng của anh Võ Đại Đ trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm. Xét việc rút một phần kháng cáo của bà Y là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, giữa bà Y và ông N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án là ông N hỗ trợ cho bà Y khoản tiền 250.000.000 đồng để bà Y cùng các con ổn định cuộc sống sau này. Bà Y không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về vấn đề tài sản trong thời gian bà và ông N chung sống như vợ chồng. Xét việc hỗ trợ của ông N đối với bà Y là tự nguyện và chính đáng, bà Y cũng đã chấp nhận số tiền này nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của ông N trong việc hỗ trợ bà Y số tiền 250.000.000 đồng. Ông Võ Đại N đã giao cho bà Lê Thị Hải Y số tiền 150.000.000 đồng tại phiên tòa phiên tòa, số tiền còn lại ông N phải giao tiếp cho bà Y là 100.000.000 đồng.

[2.3] Về án phí :

[2.3.1] Về án phí sơ thẩm:

Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên cần sửa phần án phí sơ thẩm cho phù hợp với thỏa thuận giữa bà Y và ông N. Bà Y tự nguyện chịu toàn bộ án phí 6.250.000 đồng (tức 250.000.000 đồng x 5% x 50%).

[2.3.2]. Về án phí phúc thẩm:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án, do chị Võ Thị Mỹ H rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên chị H phải chịu 50% án phí phúc thẩm, tức phải chịu 150.000 đồng. Do chị H đã nộp đủ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên nay được khấu trừ, chị H được hoàn lại 150.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án bà Lê Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Bà Lê Thị Hải Y đã nộp đủ 300.000 đồng án phí phúc thẩm nên nay được khấu trừ, khỏi phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 289; Khoản 3 Điều 289; Điều 300; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh số 10/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về Án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm về nội dung và án phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút toàn bộ kháng cáo của chị Võ Thị Mỹ H.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút một phần kháng cáo của bà Lê Thị Hải Y.

3. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông N và bà Lê Thị Hải Y như sau:

Ông Võ Đại N hỗ trợ cho bà Lê Thị Hải Y số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Ông N đã giao cho bà Y 150.000.000 đồng, số tiền còn lại ông N phải giao tiếp cho bà Y là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Đại N phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng mà ông N đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/008913 ngày 03/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bà Lê Thị Hải Y phải chịu 6.250.000 đồng. Do bà Y đã nộp số tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu phản tố là 14.000.000 đồng theo biên lai thu số 928 ngày 25/5/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Nay được khấu trừ số tiền án phí dân sự bà Y phải chịu là 6.250.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Hải Y số tiền 7.750.000 đồng (tức 14.000.000 đồng - 6.250.000 đồng).

5. Về án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị Hải Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Bà Lê Thị Hải Y đã nộp đủ 300.000 đồng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 002324 ngày 20/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế nên nay được khấu trừ, khỏi phải nộp.

Chị Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 150.000 đồng. Chị Võ Thị Mỹ H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 002325 ngày 20/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế nên nay được trừ vào số tiền án phí phải chịu, chị H được hoàn lại 150.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP;
- Lưu Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung